

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUỒN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày 30- 5- 2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUỒN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiều Hmok

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án - Trụ sở Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 28 H, tổ dân phố 9 (nay là tổ dân phố 5), phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà H có cho bà L vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 1.010.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười triệu đồng). Cụ thể như sau:

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, bà L vay của bà H số tiền 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Khi vay bà L có viết giấy vay và ký xác nhận vay.

Các lần vay sau bà H chuyển khoản cho bà L, cụ thể:

- Ngày 08 tháng 9 năm 2021, bà L vay của bà H số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), bà H chuyển khoản cho bà L vào số tài khoản 508061595600001 của bà L tại Ngân hàng TMCP N - Phòng giao dịch K.

- Ngày 29 tháng 9 năm 2021, bà L vay của Bà H số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu đồng). Bà H chuyển khoản cho bà L vào số tài khoản 0267041006965 của bà L tại Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch B.

- Ngày 30 tháng 11 năm 2021, bà L vay của Bà H số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), Bà H chuyển khoản cho bà L vào số tài khoản 0267041006965 của bà L tại Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch B.

- Ngày 28 tháng 3 năm 2022, bà L vay của Bà H số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), Bà H chuyển khoản cho bà L vào số tài khoản 0267041006965 của bà L tại Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch B.

Nay quá hạn trả nợ đã lâu, mặc dù Bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà L cố tình chây ỳ, trốn tránh không trả nợ cho Bà H như đã thoả thuận.

Vì vậy, Bà H yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà L phải trả cho Bà H số tiền 1.010.000.000 (Một tỷ không trăm mười triệu đồng). Bà H không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án, bà L là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo văn bản tố tụng, nhưng bị đơn lần tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền của Tòa án; Điều 191, Điều 195 và Điều 196 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và thông báo thụ lý vụ án; Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Tòa án thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền; đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn, không chấp hành triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho phải trả cho Bà H tổng số tiền 750.000.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 22 tháng 7 năm 2021, bà L vay số tiền 260.000.000 đồng. Khi vay bà L có viết giấy vay và ký xác nhận vay, tuy nhiên Tòa án không tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà L để làm rõ khoản vay này (Viện kiểm sát đã ban hành yêu cầu thu thập chứng cứ số: 01/YC-VKS-DS ngày 28 tháng 4 năm 20223). Do đó, không có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ, nơi cư trú của bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không hợp tác và cố tình lẩn tránh. Theo các Biên bản về việc: Không thực hiện được việc tổng đạt của Văn phòng thừa phát lại Đắc Lắc trong các ngày 08 tháng 12 năm 2022 và ngày 08 tháng 02 năm 2023 (Bút lục số: 19; 32) đều thể hiện bà Nguyễn Thị L từ chối ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thị xã B. Tuy nhiên, tại vụ án dân sự số: 174/2022/TLST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B giữa các đương sự: Nguyên đơn là ông Phạm Đình T và bị đơn là bà Nguyễn Thị L thì bà L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Th tham gia tố tụng vụ án nói trên, nhưng lại không tham gia tố tụng trong vụ án này là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi của nguyên đơn.

[1.2] Như vậy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

[1.3] Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bị đơn đều lẩn tránh, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong

hồ sơ vụ án thì đã có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 22 tháng 7 năm 2021 bà L có vay của Bà H số tiền 260.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm giấy tờ và bà L đã viết và ký xác nhận vay của Bà H số tiền trên. Sau đó, bà L tiếp tục vay của Bà H nhiều lần với tổng số tiền 750.000.000 đồng, bằng hình thức Bà H chuyển khoản nhiều lần từ tài khoản Ngân hàng thuộc sở hữu của Bà H vào các tài khoản Ngân hàng thuộc sở hữu của bà L, cụ thể như sau:

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 Bà H chuyển khoản số tiền 270.000.000 đồng vào số tài khoản 508061595600001 của bà L tại Ngân hàng thương mại cổ phần N; Ngày 29 tháng 9 năm 2021 Bà H chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng vào số tài khoản 0267041006965 của bà L tại Ngân hàng thương mại cổ phần B; Ngày 30 tháng 11 năm 2021 Bà H chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản 0267041006965 của bà L tại Ngân hàng thương mại cổ phần B; Ngày 28 tháng 3 năm 2022 Bà H chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản 0267041006965 của bà L tại Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Tại các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án nhân dân thị xã B đối Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch K và Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch B, về việc: Sao kê tài khoản và cung cấp thông tin chủ sở hữu tài khoản, đã xác định các tài khoản Ngân hàng nói trên chủ sở hữu là của Nguyễn Thị L và nội dung giao dịch tại các bản sao kê do Ngân hàng cung cấp là phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

Như vậy, việc Bà H khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền đã vay 1.010.000.000 (Một tỷ không trăm mười triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Bà H tổng số tiền 750.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, việc đề nghị bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 260.000.000 đồng vì không tiến hành giám định chữ viết và chữ ký làm căn cứ giải quyết vụ án là không có căn cứ để chấp nhận như nhận định ở đoạn [1.1] nói trên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 1.010.000.000 (Một tỷ không trăm mười triệu đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 44.400.000 (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.150.000 (Hai mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0018319 ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Nhất

